

建國科技大學 111 學年度外國學生入學需知

Những điều cần biết khi nhập học của của trường đại học công nghệ Kiến Quốc 2022 2022Fall-2023 Spring Academic Semester Enrollment Guide for International Students

I. 學年度及修業年限 Năm học và thời gian học /Academic Year and Program Duration

1. 學年度：每學年自 8 月 1 日至翌年 7 月 31 日止，第一學期約 9 月中旬開學；第二學期約 2 月中旬開學。

Năm học: Mỗi năm học được tính từ ngày 1 tháng 8 đến ngày 31 tháng 7 năm kế tiếp, kì đầu tiên khoảng giữa tháng 9 nhập học, kì thứ 2 nhập học khoảng giữa tháng 2

Academic Year: Each academic year begins August, 1 and runs through July 31 of the following year. The fall semester starts mid September while the spring semester starts around mid February.

2. 修業年限：四年制學士班 4~6 年

Hệ đại học từ 4 đến 6 năm

Years of Study: The four-year program must be completed within four to six years.

II. 申請資格 Tư cách nhập học / Applicant's Identity

► 國籍 Nationality / Quốc gia

1. 本招生簡章所稱外國學生，指具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。

Các sinh viên nước ngoài được đề cập trong hướng dẫn tuyển sinh này đề cập đến những người có quốc tịch nước ngoài và chưa bao giờ có quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc, và không có bằng cấp của Hoa kiều tại thời điểm nộp đơn.

An individual of foreign nationality, who has never held the nationality of the Republic of China (R.O.C.) and does not possess overseas Chinese student status at the time of application;

2. 具外國國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留海外六年以上者(計算至 2022 年 8 月 1 日止且每年在台停留時間不超過 120 日)，亦得依規定申請入學：

Những người có quốc tịch nước ngoài và đáp ứng các yêu cầu sau đây và đã ở nước ngoài hơn sáu năm tại thời điểm nộp đơn (tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2022 và ở lại Đài Loan không quá 120 ngày mỗi năm) cũng có thể đăng ký nhập học theo quy định :

An individual of foreign nationality, who has stayed overseas continuously for no less than 6 years (up to August 1, 2021), and also fulfills the following requirements:

- (1) 申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。

Tại thời điểm xin học không có hộ khẩu Tung Hoa Dân Quốc, Từ đầu đến giờ chưa có hộ khẩu Đài Loan

Individuals holding both foreign and R.O.C. nationalities but have never been part of a registered household in Taiwan.

- (2) 申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年。

Những người trước đây đã có quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc trước khi nộp đơn và không có quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc tại thời điểm nộp đơn, tám năm kể từ ngày Bộ Nội vụ cho phép mất quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc cho đến khi nộp đơn.

Individuals holding foreign nationality who once held R.O.C. nationality but have not been part of a registered household as determined by the Ministry of Interior for at least 8 years (up to August 1, 2022).

- (3) 前二款均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度經海外聯合招生委員會分發。

Theo hai đoạn trên, chưa từng là thân phận hoa kiều nhập học, hơn nữa trong năm học này chưa từng nhập học theo Ủy ban tuyển sinh chung ở nước ngoài phân phối trong năm học.

Regarding individuals mentioned in the preceding 2 subparagraphs, they must not have studied in Taiwan as an overseas Chinese student nor received placement permission during the same year of the application by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students.

依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，其自始未曾在臺設有戶籍者，經主管教育行政機關核准，得不受前二項規定之限制。

Theo Thỏa thuận khung hợp tác giáo dục, một công dân nước ngoài được chính phủ, tổ chức hoặc trường học nước ngoài lựa chọn và chưa bao giờ đăng ký hộ khẩu kể từ khi sinh ra không phải chịu các giới hạn như quy định trong 2 đoạn trước. sau khi nhận được sự chấp thuận từ các cơ quan chính phủ giáo dục được ủy quyền.

According to the Education Cooperation Framework Agreement, a foreign national who was selected by a foreign government, organization, or school, and has never held a household registration from the time of their birth is not subject to the limitations as prescribed in the preceding 2 subparagraphs after receiving the approval from the authorized educational government agencies.

第二項所定六年、八年，以擬入學當學期起始日期（二月一日或八月一日）為終日計算之。Các giai đoạn sáu năm và tám năm quy định tại Khoản 2 sẽ được tính bằng cách sử dụng ngày bắt đầu của học kỳ (ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8) làm ngày kết thúc của giai đoạn.

The periods of six years and eight years stipulated in Paragraph 2 shall be calculated using the starting date of the semester (February 1, or August 1) as the end date of the period.

第二項所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區；所稱連續居留，指外國學生每歷年在國內停留期間未逾一百二十日。連續居留海外採計期間之起迄年度非屬完整曆年者，以各該年度之採計期間內在國內停留期間未逾一百二十日予以認定。但符合下列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算：Thuật ngữ ở nước ngoài được sử dụng trong Đoạn 2 dùng để chỉ các quốc gia hoặc khu vực

khác ngoài Khu vực Đại lục, Hồng Kông và Ma Cao; Thuật ngữ liên tục cư trú ở nước ngoài liên tục, có nghĩa là một sinh viên quốc tế đã ở lại Đài Loan không quá tổng cộng 120 ngày trong mỗi năm dương lịch. Khi tính số năm liên tiếp ở nước ngoài, nếu năm đầu hoặc năm cuối của kỳ không phải là năm dương lịch hoàn chỉnh, thì bất kỳ thời gian nào ở Đài Loan trong năm đầu hoặc năm cuối không được vượt quá 120 ngày. Tuy nhiên, thời gian mà một người đã ở Đài Loan không phải chịu sự hạn chế này và nó không được tính khi tính thời gian họ ở Đài Loan trong một năm cụ thể nếu người đó có bằng chứng tài liệu rằng họ:

The term “overseas” used in Paragraph 2 refers to countries or regions other than the Mainland Area, Hong Kong, and Macau; the term “reside overseas continuously” means that an international student has stayed in Taiwan for no more than a total of 120 days in each calendar year. When calculating the number of consecutive years spent overseas, if the initial or final year of the period is not a complete calendar year, any time spent in Taiwan in the initial or final year must not exceed 120 days. However, time that a person has spent in Taiwan is not subject to this restriction and it is not counted when calculating how long they were in Taiwan in a particular year if the person has documentary proof that they:

(1) 就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部認定之技術訓練專班。

Tham dự một khóa đào tạo thanh thiếu niên ở nước ngoài do Hội đồng đồng hương ở nước ngoài tổ chức hoặc một chương trình đào tạo kỹ thuật chuyên nghiệp được công nhận bởi Bộ Giáo dục;

Attended an overseas youth training course organized by the Overseas Compatriot Affairs Council or a technical professional training program accredited by the Ministry of Education;

(2) 就讀本部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿二年。

Dành tổng thời gian dưới hai năm để tham gia các lớp học tiếng Trung Quốc tại một trung tâm ngôn ngữ Trung Quốc tại một trường đại học hoặc cao đẳng được Bộ Giáo dục chấp thuận tuyển dụng sinh viên ở nước ngoài, dành thời gian ít hơn hai năm ở Đài Loan như một sinh viên trao đổi ;

Spent a total period of less than two years undertaking Chinese language classes at a Chinese language center at a university or tertiary college which has Ministry of Education approval to recruit students overseas; spent a total period of less than two years in Taiwan as an exchange student;

(3) 交換學生，其交換期間合計未滿二年。

Trao đổi sinh viên, thời gian theo diện trao đổi sinh viên dưới 2 năm.

Spent a total period of less than two years in Taiwan as an exchange student;

(4) 經中央目的事業主管機關許可來臺實習，實習期間合計未滿二年。

Thời gian đến Đài Loan để thực tập dưới 2 năm.

Spent a total period of less than two years undertaking an internship that they came to Taiwan to undertake with the approval of the designated central competent authority;

具外國國籍並兼具中華民國國籍，且於外國學生來臺就學辦法中華民國一百年二月一日修

An applicant being a former citizen of Mainland China and holds a foreign nationality, having no history of household registration record in Taiwan, and at the time of application, has resided overseas continuously for no less than 6 years is qualified to apply for admission under these regulations.

The six years calculation period as prescribed in aforementioned shall be calculated from the starting date of the semester of intended enrollment (Feb.1st or Aug.1st) as the designated due date for the time of study.

The aforementioned paragraphs shall apply to in previous article term overseas as prescribed.

- 本流程依據教育部「外國學生來台就學辦法」整理；外國學生依據此辦法申請來臺就學，以一次為限。於完成申請就學學校學程後，除申請碩士班以上學程得逕依此辦法規定辦理外，如繼續在臺就學者，其入學方式應與我國內一般學生相同。

The information above is based on the law of Ministry of Education: International Students Undertaking Studies in Taiwan. International students applying for schools in Taiwan shall be limited to one application only. Upon completion of the course of study, at a school in Taiwan, to which an international student has applied, the student's admission to another school's academic level shall be handled in a manner identical to the admission procedures for local students. An exception is that an application for a master's degree or higher levels of graduate studies can be processed under the procedures of each individual school.

- 本校學士班教學以中文為主，申請就讀本校學士班者必須具備中文聽、說、讀、寫能力。（部份全英語授課之研究所除外）

Except for postgraduate programs, most of the courses in CTU are instructed in Chinese in undergraduate programs. Applicants are expected to have sufficient listening, speaking, reading, and writing ability in Chinese language to apply for undergraduate programs.

<p>且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者 Holding of foreign nationality and has never had ROC nationality, and does not have the status of overseas Chinese student at the time of application.</p>	<p>兼具中華民國國籍且自始未曾在臺設有戶籍 Holding of both foreign and ROC nationalities at the time of application, and having no history of a household registration record in Taiwan</p>	<p>申請前曾具中華民國國籍，於申請時已經內政部許可喪失中華民國國籍滿 8 年 Holding of foreign nationality at the time of application, and holding of ROC nationality before the time of application, but has obtained documents issued by Ministry of Interior indicating that the person concerned has given up ROC nationality for at least 8 years before the time of application.</p>	<p>曾為大陸地區人民且自始未曾在臺設有戶籍 Being a former citizen of Mainland China and holds a foreign nationality, having no history of household registration record in Taiwan</p>	<p>兼具香港或澳門永久居留資格且自始未曾在臺設有戶籍 Holding of foreign nationality and a permanent residence status in Hong Kong or Macao, and having no history of a household registration record in Taiwan</p>
--	---	--	---	---

- 連續居留：每曆年在國內停留期間不得逾 120 日，連續居留海外年限，秋季班計算至入學當年(2022 年)8 月 1 日，當春季班計算至入學當年(2023 年)2 月 1 日。
- 符合以下情形且具證明者其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算
 1. 就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部認定之技術訓練班。
 2. 就讀教育部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿二年。
 3. 交換學生，其交換期間合計未滿二年。
 4. 經教育部許可來臺實習，實習期間合計未滿二年。
- 具外國國籍並兼具中華民國國籍，且於中華民國 102 年 2 月 1 日前已提出申請喪失中華民國國籍者，不受海外連續居留限制。
- “consecutive” means that the applicant must not stay in Taiwan for more than 120 days in each calendar year; the number of years lived in a foreign country is calculated retrospectively from August 1st 2022 for Fall 2022 intake or February 1st 2023 for Spring 2023 intake.
- The only exceptions to the regulation of “residing overseas consecutively” of calculation are for those who fulfill one of the following requirements with written supported proof:
 1. Attended overseas youth training courses organized by the Overseas Compatriot Affairs Council or technique training classes accredited by the Ministry of Education (MOE)
 2. Attended a Mandarin Chinese language center at a university/college of which foreign student recruitment is approved by MOE, and to which the total length of stay is less than 2 years;
 3. Exchange students, whose length of total exchange is less than 2 years; or
 4. An Internship in Taiwan which has been approved by MOE, to which the total length of stay is less than 2 years.
- An individual, who has both foreign and ROC nationalities and has applied for annulment of their ROC nationality before February 1, 2013, will then be qualified to apply for admission as an international student and will not be subject to the limitation of having “lived overseas for more than 6 consecutive years by the time of application”.

未曾以為僑生身分在台就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。
The applicant has not studied in Taiwan under the status of overseas Chinese student and has not received the student status from the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students in the year of enrolment.

未曾於臺灣學校以操性、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學者。
Applicants have never been expelled by any university or college in Taiwan under these circumstances (with drop-out records due to failure in conduct grades, academic grades, or being indicted guilty by the criminal law)

申請 2022 學士班→具高中學歷（須為外國高中或臺灣之外國僑民學校或我國高級中等學校附設之雙語部（班）畢業；申請 2022 碩士班→具學士學位 Application for Undergraduate programs: graduation from secondary schools in a foreign country；Application for Masters programs: graduation from universities with a Bachelor degree

符合欲申請系所之附加規定者符合本校申請資格
Fulfill the requirements of the to-be-applied-Departments / Institutes
→Eligible for application for CTU

III. 學歷規定 Giáo dục / Educational History

除上述之報考資格外，申請學士班者須具高中學歷或具有與我國學制相當之同等學力資格，且申請人畢業學校須為我國教育部認可或當地國政府權責機關或專業評鑑團體認可，符合教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」規定之學校或我國政府立案之學校。(教育部認可學校，請參考教育部國際文教處網站「外國大學參考名冊」)

Ngoài các bằng cấp trên cho ứng viên, ứng viên cho các lớp cử nhân phải có trình độ học vấn trung học hoặc tương đương với hệ thống học thuật của nhà nước, và trường tốt nghiệp của ứng viên phải được Bộ Giáo dục nhà nước hoặc cơ quan chính quyền địa phương hoặc nhóm đánh giá chuyên môn công nhận. Một trường đáp ứng các yêu cầu của "Trường đại học về nghiên cứu nước ngoài Các biện pháp chấp nhận và phê duyệt" của Bộ Giáo dục hoặc một trường học do chính phủ nhà nước đề trình. (Các trường được Bộ Giáo dục phê duyệt, vui lòng tham khảo "Danh sách tham khảo các trường đại học nước ngoài" trên trang web của Văn phòng Giáo dục và Văn hóa Quốc tế của Bộ Giáo dục)

Applicant s with a high school diploma are eligible to apply for undergraduate study at Yuanpei University of Medical Technology Technology. Applicants' academic statements should be approved by the Ministry of Education of the R.O.C. as well as in accordance with the rules of Foreign Degrees Authentication promulgated by the Ministry of Education. Otherwise, the application will not be accepted.

- 如你曾因學校操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學，則不得申請入學。

Nếu bạn đã từng không đạt kết quả thành tích, hạnh kiểm hoặc do vi phạm hình sự dẫn đến bị đuổi học, sẽ không được đăng ký nhập học,

An international student who has been dismissed by the educational institution as a result of unsatisfactory conduct or of a conviction in criminal case proceedings is NOT permitted to apply for admission to another university or tertiary college.

- 違反以上規定並經查證屬實者，撤銷其入學資格或開除學籍。

Những ai vi phạm các quy định trên và được xác minh là đúng sẽ bị hủy tư cách nhập học hoặc đuổi học.

Violations of the above qualifications will result in immediate cancellation of the applicant's admission or the deprivation of the applicant's recognized status as Taipei Tech registered student, or revocation of applicant's Taipei Tech's diploma. NO academic certificate will be given.

IV. 華語文能力要求 Language Capability Requirements

本校各教學單位依其特性分別提供中文授課或英語授課為主之相關課程，為提供有品質且專業之高等教育，並確保學生之學習成效，本校要求進入中文授課為主的學生應有基本華語聽說讀寫能力，而進入英語授課為主的學生應有基本英語聽說讀寫能力，故外國學生於申請入學時得檢附已具基本聽說讀寫語言能力之相關證明，以作為入學資格審查有利之依據。

Students who apply for a program that is taught in Chinese should be proficient in Chinese listening, speaking, reading, and writing; students who apply for a program that is taught in English should be proficient in English listening, speaking, reading, and writing. Applicants need to submit proof of language proficiency with their application.

1. 中文授課學程：For programs taught in Chinese:

申請人需具華語聽、說、讀、寫的能力，請附華語能力證明文件。【註】

Students must have adequate listening, speaking, reading, and writing Chinese language skills. Documents or proofs of Chinese proficiency*

申請產學專班者，須提供華語A1以上能力證明。

Học sinh đăng ký lớp chuyên ban VHVL, khả năng tiếng Hoa cần phải đạt TOCFL A1 trở lên.

註 1：中文為母語者或畢業於中文授課之學校並具證明者或大學主修中文並具證明者免附。

Note1：exemption：Applicants who are native speakers of the Chinese language or graduated from a school where Chinese is the language of instruction or the major in college used to be Chinese.

註 2：華語能力證明文件係凡由各華語能力測驗機構所出具證明學習中文相關文件，例如：台灣TOCFL華語文能力測驗、大陸HSK漢語水平考試、美國SAT中文測驗或各大專校院所開設華語班…等。

Note2: Proofs of Chinese proficiency means any related documents which issued by institutes for Chinese proficiency test such as Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL) from Taiwan, Chinese Proficiency Test (HSK) from Mainland China, Subject Test in Chinese with Listening (SAT) from United States, or certificates from Chinese courses of universities / colleges in Taiwan and so on.

註 3：課程以中文授課為主，需檢附華語文能力檢定文件且成績達至少TOCFL Level 2 基礎級或以上（<https://www.sc-top.org.tw/chinese/LS/test5.php>）。

Note3: **For those applying for degree programs taught in Chinese, a photocopy of a TOCFL transcript or certificate for Level 2 or above.**

TEST	Required Minimum Score
TOCFL	Level 2
HSK	Level IV

• **For other special regulations of specific departments please refer to the remark of “Departments and Graduate Institutes” for more information.**